

Số: 288/2019/DS-ST

Ngày: 12-7- 2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

2. Ông Vũ Ngọc Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 590/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST- DS ngày 14 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V

Địa chỉ: Tòa nhà L, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Gia L, sinh năm 1987

(Theo văn bản ủy quyền ngày 01/11/2018 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V). (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Đoàn Hồng N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: đường L, Phường N, Quận O, Tp. Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2018 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Ngày 24/7/2013, bà N và Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V (sau đây gọi tắt là ngân hàng) ký Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 30805-100225-0009 vay số tiền 14.910.000 đồng, với lãi xuất vay 6.67%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng bà N có trách nhiệm thanh toán số tiền 27.407.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 20 tháng, 19 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.372.000 đồng, tháng cuối

cùng trả 1.339.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 07/9/2013. Thực hiện hợp đồng, bà N đã nhận đủ số tiền và thanh toán cho ngân hàng 11 lần, tổng số tiền là 9.360.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.809.324 đồng, lãi là 5.550.676 đồng. Sau đó, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên ngân hàng khởi kiện, yêu cầu bà N phải trả số tiền nợ 18.047.000 đồng (trong đó, số tiền nợ gốc còn lại là 11.100.676 đồng, số tiền nợ lãi còn lại là 6.946.324 đồng), thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng đã tự nguyện chốt số nợ và lãi như trên, ngoài ra không yêu cầu tiếp tục tính lãi hay khoản phí nào khác.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập, tổng đạt cho bà Đoàn Hồng N đến Toà để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bà N đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Ngày 11/7/2019 bà N đã đến Tòa nộp bản tự khai và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Tại bản tự khai, bà N trình bày: Xác định có nợ như ngân hàng trình bày nhưng do điều kiện khó khăn, bệnh tật, bà N không thể trả hết nợ. Mỗi tháng nếu có tiền bà N sẽ trả cho ngân hàng 300.000 (ba trăm ngàn) cho đến khi hết nợ.

Ngân hàng xin được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng yêu cầu bị đơn bà Đoàn Hồng N trả số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà N có nơi cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét giấy ủy quyền ngày 01/11/2018 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V ủy quyền cho ông Nguyễn Gia L tham gia tố tụng tại Toà án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, ông Nguyễn Gia L đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Đoàn Hồng N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lần thứ hai nhưng bị đơn có đơn xin vắng mặt không tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về hình thức hợp đồng: Theo Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 30805-100225-0009 của Ngân hàng với bà N được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[4]. Xét yêu cầu của nguyên đơn: Yêu cầu bị đơn thanh toán gốc và lãi, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như bản tự khai của bị đơn có cơ sở xác định bị đơn đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định bị đơn đã thanh toán được số tiền gốc là 3.809.324 (ba triệu, tám trăm lẻ chín ngàn, ba trăm tám hai mươi bốn) đồng, nên bị đơn phải hoàn trả số tiền gốc còn thiếu là 11.100.676 (mười một triệu, một trăm ngàn, sáu trăm bảy mươi sáu) đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của bộ luật tố tụng dân sự 2015 do bị đơn – bà N không phản đối yêu cầu của ngân hàng và không cung cấp tài liệu chứng cứ nên có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về buộc bị đơn trả số tiền gốc còn thiếu.

Căn cứ vào Điều 2 Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 30805-100225-0009 hai bên thoả thuận lãi suất 6.66%/tháng và theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, không yêu cầu bị đơn tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở xem xét chấp nhận buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi còn thiếu là 6.946.324 (sáu triệu, chín trăm bốn mươi sáu ngàn, ba trăm hai mươi bốn) đồng.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Đoàn Hồng N có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V số tiền là 18.047.000 (mười tám triệu, không trăm bốn mươi bảy ngàn) đồng, (trong đó, số tiền nợ gốc còn lại là 11.100.676 đồng, số tiền nợ lãi còn lại là 6.946.324 đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 902.350 (Chín trăm lẻ hai ngàn, ba trăm năm mươi) đồng, bà Đoàn Hồng N phải chịu.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 458.675 (Bốn trăm năm mươi tám ngàn, sáu trăm bảy lăm) đồng, theo biên lai thu tiền số 0016726 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Triệu Luật